

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2024/HS-ST
Ngày 28/6/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Ngọc Thảo.
- Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm L, Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 147/2024/HS-ST ngày 28/5/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-HS ngày 14/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Thái Văn V, sinh ngày 19/9/1993, tại tỉnh Bình Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Thái Văn B, sinh 1965 ; con bà Đoàn Thị N, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con. Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Ngày 27/10/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 274/2014/HSST. Ngày 16/01/2016, chấp hành xong án phạt tù; đến nay chưa thi hành xong việc bồi thường dân sự của bản án (chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 29/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích, theo bản án số 321/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2024, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Quang H, sinh ngày 02/8/1999, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; con bà Cao Thị T1, sinh năm 1960; bị cáo sống chung như vợ chồng với Nguyễn Hà Bảo N1, sinh năm 2001; Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2024, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Bùi Văn C, sinh ngày 06/3/1990, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: tổ dân phố B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi Mạnh H1, sinh 1961; con bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2024, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Hà Bảo N1, sinh ngày 26/4/2001, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn S, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn M, sinh 1978; con bà Hà Thị T2, sinh năm 1981; bị cáo sống chung như vợ chồng với Nguyễn Quang H, sinh năm 1999. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2024, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo N1: Ông Phạm Công M1, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ.

Địa chỉ: C L, phường T, thành phố thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu T3, sinh ngày 03/02/1993, tại tỉnh Đồng Nai.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ;
Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Xuân T4, sinh 1966; con bà Trịnh Thị Hồng O, sinh năm 1968; bị cáo có chồng là Lê Viết T5, sinh năm 1989. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2024, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Bá T6, bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn Bá Q.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Ông Q, bà H2 có mặt, anh T6 vắng mặt).

2. Bà Bùi Thị Hoàng T7.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (Có mặt).

3. Ông Thái Văn V1.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Ông Trịnh Văn V2.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Bà Hà Thị T8.

Địa chỉ: Thôn S, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T9.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người chứng kiến: Bà Nguyễn Thị M2.

Địa chỉ: A T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang H, Nguyễn Hà Bảo N1, Bùi Văn C, Thái Văn V và Nguyễn Thị Thu T3 là người sử dụng ma túy loại Methamphetamine. Nguyễn Quang H và Nguyễn Hà Bảo N1 sinh sống như vợ chồng tại phòng trọ ở thôn G, xã H, thành phố B. Ngày 12/01/2024, Thái Văn V cùng Nguyễn Thị Thu T3 đến phòng trọ của H và N1 chơi và xin ở lại, V có đem theo 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 chai nhựa có gắn nhãn revive, phần nắp có gắn 01 ống thủy tinh dạng phễu và 01 đoạn ống nhựa màu xanh, bên trong chai nhựa revive có 01 đoạn ống nhựa

màu trắng. Cùng ngày, V được người nam giới tên thường gọi là L1 (tên gọi khác là B1) cho một ít ma túy đá nên đưa về phòng trọ cùng sử dụng với T3; H và N1 không biết sự việc trên. Khoảng 21 giờ ngày 14/01/2024, Bùi Văn C sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0837757676 đăng nhập vào tài khoản facebook tên “Cao Cường” rồi nhắn tin với H qua tài khoản facebook tên “Xíu Xíu” đăng nhập trên điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0819260401 của N1 để thỏa thuận với H cùng góp tiền mua ma túy đá về sử dụng. H rủ V, T3 và N1 cùng tham gia việc sử dụng ma túy thì tất cả đồng ý. Lúc này, C sử dụng ứng dụng Momo đăng nhập trên điện thoại liên kết đến tài khoản ngân hàng S, số tài khoản 050073640692 do C là chủ tài khoản, chuyển số tiền 200.000 đồng đến ứng dụng Momo đăng nhập trên điện thoại của N1, liên kết đến tài khoản ngân hàng M4, số tài khoản 210104019999 do N1 làm chủ tài khoản. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng điện thoại di động của N1 nhắn tin cho người nam giới tên thường gọi là B2 (chưa xác định được nhân thân lai lịch) xin số tiền 100.000 đồng, B2 đã sử dụng ứng dụng Momo chuyển số tiền 100.000 đồng cho H qua tài khoản MB đăng nhập trên điện thoại của N1. Sau đó, H và N1 nói V liên hệ L1 hỏi mua ma túy đá thì V đồng ý, V sử dụng điện thoại di động của N1 liên hệ đến số điện thoại 0842439995 của L1 hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy đá. L1 đồng ý bán ma túy đá cho V và nhắn tin số tài khoản 0769598108 ngân hàng MB để H sử dụng ứng dụng Momo đăng nhập trên điện thoại của N1 để chuyển số tiền 300.000 đồng đến tài khoản nêu trên cho L1, hẹn Viết đến cây xăng P, xã H, thành phố B để giao ma túy. Viết rủ T3 cùng đi nhận ma túy đá và điều khiển xe mô tô biển số 47M1-20148 chở T3 ngồi sau đi đến khu vực nêu trên thì được người nam giới tên thường gọi là K (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến bán cho 01 gói nylon chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng là ma túy đá, V cầm trên tay rồi điều khiển xe máy chở T3 về lại phòng trọ. Sau đó, V, H, N1 và T3 cùng đi lên gác trong phòng trọ, H lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá của V có từ trước ra, cắt vỏ nylon cho ma túy đá vào phễu thủy tinh đốt lên để mọi người cùng nhau sử dụng.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Bùi Văn C điều khiển xe mô tô biển số 47B1-89752 đi đến phòng trọ của H và cùng tham gia sử dụng ma túy đá. Khoảng 23 giờ cùng ngày, công an xã H kiểm tra phòng trọ của H nên H đã tháo rời bộ dụng cụ sử dụng ma túy vứt ra bên ngoài phòng trọ. Riêng túi nylon đựng ma túy đá và 02 hộp quẹt ga H cất giấu trong hộp giấy ngay cạnh khu vực sử dụng ma túy. Công an xã H đã tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra

công an thành phố B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ việc và niêm phong các vật chứng khác của vụ án theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số 188/KL-KTHS ngày 16/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bám dính trong gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, do lượng bám dính ít nên không xác định được khối lượng.

Tại bản Kết luận giám định số 280/KL-KTHS ngày 02/02/2024 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C2 tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 01 ống thủy tinh một đầu hình cầu mở, 01 đoạn ống thủy tinh, 01 đoạn ống nhựa màu xanh, 01 đoạn ống nhựa màu trắng, được niêm phong gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine, lượng chất ma túy Methamphetamine bám dính trong các mẫu vật rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Tạm giữ: 01 ống thủy tinh dạng phễu, 01 đoạn ống thủy tinh, 01 đoạn ống nhựa màu xanh, 01 đoạn ống nhựa màu trắng được niêm phong vào 01 bì thư có các chữ ký ghi tên Vũ M3, Nguyễn Bá T6, Nguyễn Đình C1, Bùi Văn C, Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Thu T3, Thái Văn V, Nguyễn Hà Bảo N1 và đóng dấu tròn màu đỏ của Công an xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. 01 gói nylon bám dính chất rắn màu trắng, được niêm phong trong 01 bì thư có các chữ ký ghi tên Vũ M3, Nguyễn Bá T6, Nguyễn Đình C1, Nguyễn Quang H và đóng dấu tròn màu đỏ của Công an xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số imei 1: 868038050126854; Imei 2: 868038050126847; gắn sim số 0829445645, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Thu T3. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, số imei: 357260093582962; imei 2: 357260095914072; gắn sim số 0837757676, điện thoại đã qua sử dụng, của Bùi Văn C. 01 điện thoại di động trắng đen, số imei 356866073805081, gắn sim số 0375184998, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Quang H. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, số imei: 352839111869819; imei 2: 352839111898156; gắn sim số 0819260401, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Hà Bảo N1. 02 hộp quẹt ga; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số 47B1-89752, số khung RLHHC1214DY678666, số máy HC12E-5678083. 01 xe mô tô, biển số 47M1-20148, nhãn hiệu Vinashin, số loại 110, màu sơn xanh bạc, số khung RMNWCHDMN5H006711, số máy VHLFM152FMH-V006711, dung tích xi lanh 107cm³. 01 xe mô tô biển số 76V9-0751, nhãn hiệu Fusin, số loại C100C, màu sơn xanh, số khung VDTLCG063DT343991, số máy VDTFS150FMG343991, dung tích xi lanh 97cm³.

Tại bản Cáo trạng số: 156/CT-VKS ngày 23/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các Nguyễn Quang H, Bùi Văn C, Nguyễn Hà Bảo N1, Nguyễn Thị Thu T3 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Thái Văn V về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quang H, Bùi Văn C, Nguyễn Hà Bảo N1, Nguyễn Thị Thu T3 và Thái Văn T10 khai nhận: Hành vi phạm tội của các bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện.

Ngoài ra, các bị cáo Thái Văn V và Nguyễn Thị Thu T3 còn khai nhận, ngày 12/01/2024, bị cáo V được người nam giới tên thường gọi là L1 cho một ít ma túy đá nên đưa về phòng trọ cùng sử dụng với bị cáo T3, lần sử này các bị cáo H, N1, C không biết.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến trong quá trình điều tra là khách quan, đầy đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T3 mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Thái Văn V mức án từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy đối với: Bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu (mẫu đã sử dụng hết để giám định) vụ Nguyễn Quang H, được niêm phong trong 01 phong bì số 188/KI-KTHS ghi “Bao gói ban đầu đựng mẫu vật vụ Nguyễn Quang H-BMT, có các chữ ký ghi tên: Trần Quang H3, Lê Khắc N2 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh Đ. 01 ống thủy tinh một đầu hình cầu

mở, 01 đoạn ống thủy tinh, 01 đoạn ống nhựa màu xanh, 01 đoạn ống nhựa màu trắng và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 280/KL-KTHS, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C2 tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Trần Thị D và Vũ M3. 02 quạt ga không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, số imei: 357260093582962; imei 2: 357260095914072; gắn sim số 0837757676; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, số imei: 352839111869819; imei 2: 352839111898156; gắn sim số 0819260401 là tài sản của Bùi Văn C và Nguyễn Hà Bảo N1 sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số imei 1: 868038050126854; Imei 2: 868038050126847; gắn sim số 0829445645 của bị can Nguyễn Thị Thu T3; 01 điện thoại di động trắng đen, số imei 356866073805081, gắn sim số 0375184998 của bị can Bùi Văn C; 01 xe mô tô biển số 76V9-0751, nhãn hiệu Fusin, số loại C100C, màu sơn xanh, số khung VDTLCG063DT343991, số máy VDTFS150FMG343991, dung tích xi lanh 97cm³ của Nguyễn Hà Bảo N1 không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc truy tố, xét xử.

Đối với 01 xe mô tô, biển số 47M1-20148, nhãn hiệu Vinashin, số loại 110, màu sơn xanh bạc, số khung RMNWCHDMN5H006711, số máy VHLFM152FMH-V006711, dung tích xi lanh 107cm³: quá trình điều tra xác định chiếc xe trên do ông Trịnh Văn V2, đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Quá trình sử dụng, ông V2 đã bán xe mô tô trên cho anh Thái Văn V1 là anh ruột bị cáo Thái Văn V. Ngày 14/01/2024, bị cáo V mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại nhưng lại sử dụng vào việc phạm tội anh V1 không biết, nên cần trả lại chiếc xe trên cho anh V1.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số 47B1-89752, quá trình điều tra xác định chị Bùi Thị Hoàng T7 là em ruột bị cáo C đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 14/01/2024, bị cáo C mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại nhưng lại sử dụng vào việc phạm tội, chị T7 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho chị T7 theo quy định. Đối với nguồn gốc số ma túy trong vụ án, bị cáo Thái Văn V khai nhận liên hệ mua của đối tượng nam giới tên thường gọi là L1 (tên gọi khác là B1) sử dụng số điện thoại 0842439995 và tài khoản Ngân hàng M4. Sau đó, một người nam giới tên thường gọi là “Kít” trực tiếp bán ma túy cho V. Cơ quan điều tra đã tiến hành

xác minh, xác định số điện thoại 0842439995 do anh Phạm Hữu T11 đứng tên đăng ký. Số tài khoản 0769598108 - Ngân hàng M4 do Nguyễn Thanh P là chủ tài khoản. Quá trình điều tra xác định tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có Nguyễn Thành L2, sinh năm 1995 đăng ký thường trú. Hiện Trường, L2 và P đều vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được. Đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người nam giới tên thường gọi là K, chưa đủ căn cứ để xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi của những người nêu trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Bá Q, bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn Bá T6 là chủ, quản lý phòng trọ nơi hành vi phạm tội diễn ra. Quá trình điều tra xác định những người nêu trên không đồng phạm với các bị cáo trong vụ án, ông T6 đã có đơn trình báo đến công an xã H và phối hợp trong việc xử lý vụ việc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự, hành chính đối với những người này. Đối với người nam giới tên thường gọi là B2, là người cho bị cáo Nguyễn Quang H số tiền 100.000 đồng mua ma túy đá, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách hành vi của những người này ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với lần sử dụng trái phép chất ma túy ngày 12/01/2024 mà bị cáo Thái Văn V và Nguyễn Thị Thu T3 khai nhận, Cơ quan cảnh sát điều tra không tạm giữ được ma túy mà các bị cáo sử dụng, cũng như chưa đủ căn cứ để xử lý về hành vi này nên tách ra khỏi vụ án để xác minh, xử lý sau.

Người bào chữa cho bị cáo N1 trình bày quan điểm bào chữa và cho rằng: Việc truy tố và xét xử bị cáo N1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình áp dụng đầy đủ các tính tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của bộ luật hình sự, tính chất, vai trò và nhân thân của bị cáo để xem xét quyết định mức hình phạt dưới mức mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 14/01/2024, tại địa bàn xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Nguyễn Quang H và Bùi Văn C đã cùng nhau góp tiền, chuyển vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 để bị cáo Thái Văn V và bị cáo Nguyễn Thị Thu T3 sử dụng điện thoại của bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 liên hệ mua ma túy loại Methamphetamine. Sau đó, các bị cáo V và T3 chở nhau đi mua ma túy rồi đem về phòng trọ của các bị cáo H và N1 để cả nhóm các bị cáo H, C, N1, V, T3 dùng công cụ sử dụng ma túy do bị cáo Thái Văn V chuẩn bị từ trước, cùng nhau sử dụng ma túy. Khi các bị cáo đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an xã H phát hiện, thu giữ tang vật còn bám dính ma túy loại Methamphetamine. Ngoài ra, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Thái Văn V và Nguyễn Thị Thu T3 còn khai nhận, ngày 12/01/2024, bị cáo V được người nam giới tên thường gọi là L2 cho một ít ma túy đá nên đưa về phòng trọ cùng sử dụng với bị cáo T3.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Quang H, Thái Văn V, Bùi Văn C, Nguyễn Hà Bảo N1, Nguyễn Thị Thu T3 có hành vi tự tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy là phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó các bị cáo Nguyễn Quang H, Bùi Văn C, Nguyễn Hà Bảo N1, Nguyễn Thị Thu T3 phạm tội với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm b khoản 2, Điều 255, bị cáo Thái Văn V phạm tội với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 của bộ luật hình sự.

Điều 255 Bộ luật hình sự quy định:

1. “ *Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*”

2. Phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên trở lên;
- c) Tái phạm nguy hiểm;

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, không những đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại dược chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng các loại dược chất ma túy đều thuộc sự độc quyền quản lý của Nhà nước, thông qua các cơ quan chức năng có thẩm quyền và phải tuân theo những trình tự, thủ tục nghiêm ngặt; mọi hành vi tàng trữ, tổ chức sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy đều bị trừng trị nghiêm khắc. Người nghiện ma túy là tự tàn phá sức khỏe, làm tổn hại giống nòi và còn là nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh xã hội, trong đó có đại dịch HIV/AIDS đang là vấn nạn của toàn nhân loại. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên vào ngày 12/01/2024, bị cáo V được người nam giới tên thường gọi là L2 cho một ít ma túy đá nên đưa về phòng trọ tổ chức cùng sử dụng ma túy với bị cáo T3. Tiếp đó vào ngày 14/01/2024, tại địa bàn xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo Nguyễn Quang H và Bùi Văn C đã cùng nhau góp tiền, chuyển vào tài khoản của bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 để bị cáo Thái Văn V và bị cáo Nguyễn Thị Thu T3 sử dụng điện thoại của bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 liên hệ mua ma túy loại Methamphetamine. Sau đó, các bị cáo V và T3 chở nhau đi mua ma túy rồi đem về phòng trọ của các bị cáo H và N1 để cả nhóm các bị cáo H, C, N1, V, T3 dùng công cụ sử dụng ma túy do bị cáo Thái Văn V chuẩn bị từ trước, cùng nhau sử dụng trái phép ma túy. Khi các bị cáo đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an xã H phát hiện, bắt quả tang. Cho nên, đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Trong vụ án này có 05 bị cáo tham gia, vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Các bị cáo Nguyễn Quang H và Bùi Văn C là những người khởi xướng việc cùng nhau góp tiền mua ma túy, bị cáo H cung cấp địa điểm và cùng rủ các bị cáo N1, V, T3 cùng sử dụng ma túy. Bị cáo V ngoài lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với các bị cáo thì trước đó vào ngày 12/01/2024, bị cáo V được người nam giới tên thường gọi là L2 cho một ít ma túy đá nên đưa về phòng trọ tổ chức

cùng sử dụng với bị cáo T3. Mặt khác, bị cáo Viết ngày 29/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 năm tù giam về tội Cố ý gây thương tích, theo bản án số 321/HSST và ngày 27/10/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 274/2014/HSST, nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội mà tiếp tục phạm tội. Nên mức hình phạt của các bị cáo H cao hơn bị cáo C và thấp hơn bị cáo V là phù hợp. Đối với các bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 và Nguyễn Thị Thu T3 khi được bị cáo H rủ tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì đã tham gia với vai trò tích cực nên mức hình phạt của bị cáo N1, T3 ngang nhau và thấp hơn các bị cáo H, V, C là phù hợp.

[5]. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo V đã khai ra hành vi phạm tội của mình trước đó, bị cáo N1 có bà ngoại là Trần Thị H4 là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu (mẫu đã sử dụng hết để giám định) vụ Nguyễn Quang H, được niêm phong trong 01 phong bì số 188/Kl-KTHS ghi “Bao gói ban đầu đựng mẫu vật vụ Nguyễn Quang H-BMT, có các chữ ký ghi tên: Trần Quang H3, Lê Khắc N2 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh Đ; 01 ống thủy tinh một đầu hình cầu mở, 01 đoạn ống thủy tinh, 01 đoạn ống nhựa màu xanh, 01 đoạn ống nhựa màu trắng và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 280/KL-KTHS, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C2 tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Trần Thị D và Vũ M3; 02 quẹt ga không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, số imei: 357260093582962; imei 2: 357260095914072; gắn sim số 0837757676; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, số imei: 352839111869819; imei 2: 352839111898156; gắn sim số 0819260401 là tài sản của bị cáo Bùi Văn C và bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số imei 1: 868038050126854; Imei 2: 868038050126847; gắn sim số 0829445645 của bị cáo Nguyễn Thị Thu T3; 01 điện thoại di động trắng đen, số imei 356866073805081, gắn sim số 0375184998 của bị cáo Bùi Văn C; 01 xe mô tô biển số 76V9-0751, nhãn hiệu Fusin, số loại

C100C, màu sơn xanh, số khung VDTLCG063DT343991, số máy VDTFS150FMG343991, dung tích xi lanh 97cm³ của bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 xe mô tô, biển số 47M1-20148, nhãn hiệu Vinashin, số loại 110, màu sơn xanh bạc, số khung RMNWCHDMN5H006711, số máy VHLFM152FMH-V006711, dung tích xi lanh 107cm³, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên do ông Trịnh Văn V2, đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Quá trình sử dụng, ông V2 đã bán xe mô tô trên cho anh Thái Văn V1 là anh ruột bị cáo Thái Văn V. Ngày 14/01/2024, bị cáo V mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại nhưng lại sử dụng vào việc phạm tội anh V1 không biết, nên cần trả lại chiếc xe trên cho anh V1.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số 47B1-89752, quá trình điều tra xác định chị Bùi Thị Hoàng T7 là em ruột bị cáo C đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 14/01/2024, bị cáo C mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại nhưng lại sử dụng vào việc phạm tội, chị T7 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho chị T7 là phù hợp.

Đối với nguồn gốc số ma túy trong vụ án, bị cáo Thái Văn V khai nhận được cho, liên hệ mua của đối tượng nam giới tên thường gọi là L2 (tên gọi khác là B1) sử dụng số điện thoại 0842439995 và tài khoản Ngân hàng M4. Sau đó, một người nam giới tên thường gọi là “Kít” trực tiếp bán ma túy cho V. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định số điện thoại 0842439995 do anh Phạm Hữu T11 đứng tên đăng ký. Số tài khoản 0769598108 - Ngân hàng M4 do Nguyễn Thanh P là chủ tài khoản. Quá trình điều tra xác định tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có Nguyễn Thành L2, sinh năm 1995 đăng ký thường trú. Hiện Trường, L2 và P đều vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được. Đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người nam giới tên thường gọi là K, chưa đủ căn cứ để xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi của những người nêu trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Bá Q, bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn Bá T6 là chủ, quản lý phòng trọ nơi hành vi phạm tội diễn ra. Quá trình điều tra xác định những người nêu trên không đồng phạm với các bị cáo trong vụ án, ông T6 đã có đơn trình báo đến công an xã H và phối hợp trong việc xử lý vụ việc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự, hành chính đối với những người này là phù hợp.

Đối với người nam giới tên thường gọi là B2, là người cho bị cáo Nguyễn Quang H số tiền 100.000 đồng mua ma túy đá, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách hành vi của những người này ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo theo Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 là phù hợp.

Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo N1 cho rằng: Việc truy tố và xét xử bị cáo N1 về tội “Tổ chức trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình áp dụng đầy đủ các tính tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhân thân của bị cáo để xem xét quyết định mức hình phạt dưới mức mà Viện kiểm sát đã đề nghị là không có căn cứ chấp nhận.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quang H, Thái Văn V, Bùi Văn C, Nguyễn Hà Bảo N1, Nguyễn Thị Thu T3 về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thái Văn V 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/01/2024.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam ngày 16/01/2024.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/01/2024.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/01/2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T3 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/01/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, biển số 47B1-89752 bà Bùi Thị Hoàng T7.

Tịch thu tiêu hủy:

Bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu (mẫu đã sử dụng hết để giám định) vụ Nguyễn Quang H, được niêm phong trong 01 phong bì số 188/KI-KTHS ghi “Bao gói ban đầu đựng mẫu vật vụ Nguyễn Quang H-BMT, có các chữ ký ghi tên: Trần Quang H3, Lê Khắc N2 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh Đ; 01 ống thủy tinh một đầu hình cầu mở, 01 đoạn ống thủy tinh, 01 đoạn ống nhựa màu xanh, 01 đoạn ống nhựa màu trắng và toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 280/KL-KTHS, bên ngoài có dấu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C2 tại thành phố Đà Nẵng, chữ ký và tên của Trần Thị D và Vũ M3; 02 queet ga không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, số imei: 357260093582962; imei 2: 357260095914072; gắn sim số 0837757676; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, số imei: 352839111869819; imei 2: 352839111898156; gắn sim số 0819260401 là tài sản của bị cáo Bùi Văn C và bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1 sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo, số imei 1: 868038050126854; Imei 2: 868038050126847; gắn sim số 0829445645 cho bị cáo Nguyễn Thị Thu T3; 01 điện thoại di động trắng đen, số imei 356866073805081, gắn sim số 0375184998 cho bị cáo Bùi Văn C; 01 xe mô tô biển số 76V9-0751, nhãn hiệu Fusin, số loại C100C, màu sơn xanh, số khung VDTLCG063DT343991, số máy VDTFS150FMG343991, dung tích xi lanh 97cm³ cho bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1; 01 xe mô tô, biển số 47M1-20148, nhãn hiệu Vinashin, số loại 110, màu sơn xanh bạc, số khung RMNWCHDMN5H006711, số máy VHLFM152FMH-V006711, dung tích xi lanh 107cm³, cho ông Thái Văn V1.

(Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột ngày 30/5/2024).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản Điều 12, khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Quang H, Thái Văn V, Bùi Văn C, Nguyễn Thị Thu T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Hà Bảo N1.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. BMT;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Đình Thanh